



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 11 năm 2024
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
VÙNG 2

Tiếng Anh/ in English: NATIONAL AUTHORITY FOR AGRO – FORESTRY – FISHERY QUALITY,
PROCESSING AND MARKET DEVELOPMENT CENTER 2

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 017 – ORGANIC

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

167-175 Chương Dương, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

167-175 Chuong Duong, My An ward, Ngu Hanh Son district, Dannang city, Vietnam

Tel: +84 225 3550598

Fax: +84 225 3550598

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Criteria

- ISO/IEC 17065:2012
- TCVN 12134:2017

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Period

Từ ngày/ from /11/2024 đến ngày/ to 28/11/2029



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đối với các phạm vi, lĩnh vực sau/ *Certification of organic agriculture products for the following scopes and sub-scopes:*

TT No	Nhóm Scope	Phân nhóm Sub-scope	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria
1	Trồng trọt hữu cơ <i>Organic Crops</i>	Gạo hữu cơ <i>Organic Rice</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-5:2018
2		Chè hữu cơ <i>Organic Tea</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-6:2018
3		Nấm hữu cơ <i>Organic mushroom</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-11:2023
4		Rau mầm hữu cơ <i>Organic sprouts</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-12:2023
5		Trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa <i>Organic crops in greenhouses and containers</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-13:2023
6		Trồng trọt hữu cơ <i>Organic Plants/ Crops</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017
7			CAC/GL 32-1999

Ghi chú/ Note:

- Trường hợp Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 2 cung cấp dịch vụ chứng nhận thì Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 2 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ./ *In case National Authority for Agro – Forestry – Fishery Quality, Processing and Market Development Center 2 provides certification services, the Center must register its operations and be granted a Certificate of Registration according to the law before providing the services.*